TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ M** TỈNH QUẢNG NINH	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 66/2019/QĐST-HNGĐ	*M, ngày 03 tháng 4 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ M, TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29; Điều 212; Điều 213; Điều 396; khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 59 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 149 của Bộ luật tố tụng D ân sự; Khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 82/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con chung gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Vũ Thị H, sinh năm 1969
- Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1961

Đều có địa chỉ tại Số x đường T, khu x, phường T, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân : Chị Vũ Thị H và anh Nguyễn Văn H 1 thuận tình ly hôn. Xét việc thuận tình ly hôn của chị H và anh H1 được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 26/3/2019 và Biên bản ghi nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 26/3/2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật , không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, cần áp dụng Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, công nhận chị Vũ Thị H và anh Nguyễn Văn H1 thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung : Chị H và anh H 1 có 02 con chung là Nguyễn Tài N, sinh năm 1993 và Nguyễn Đức Th, sinh năm 1995. Các con chung đều đã thành niên, nên chị H và anh H1 không yêu cầu.

[3] Về tài sản chung : Chị H và anh H 1 đều không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung.

[4] Về khoản nợ chung: Chị H và anh H1 không có khoản nợ chung.

[5] Về lệ phí : Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Vũ Thị H và anh Nguyễn Văn H1 mỗi người phải nộp 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, chị H tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nên cần chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày các đương sự thỏa thuận ly hôn và hòa giải thành (ly hôn, tài sản chung, lệ phí), có đơn yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành tại Trung tâm hòa giải, đối thoại (ngày 26/3/2019) không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân**: Chị Vũ Thị H và anh Nguyễn Văn H1 thống nhất thuận tình ly hôn.

Do công nhận thuận tình ly hôn giữa chị H và anh H1 nên Giấy chứng nhận kết hôn số 07/2012 quyển số 01 do Ủy ban nhân dân phường Tr, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 27/02/2012 không còn giá trị pháp lý

- **Về con chung**: Chị H và anh H1 có 02 con chung là Nguyễn Tài N, sinh năm 1993 và Nguyễn Đức Th, sinh năm 1995. Các con chung đều đã thành niên, nên chị H và anh H1 không yêu cầu.

- **Về tài sản chung:** Chị H và anh H1 không đề nghị Tòa án giải quyết

- **Về các khoản nợ chung:** Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Vũ Thị H tự nguyện chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị H đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001579 ngày 26 tháng 3 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Móng Cái.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thành phố M;
- Thi hành án dân sự;
- UBND p Tr, tp M;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Vũ Thị Thanh Phương